

**CÔNG TY CỔ PHẦN LẮP MÁY -  
THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2015  
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	2 - 4
<b>Báo cáo Kiểm toán độc lập</b>	5
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 22
<i>Phụ lục số 01: Bảng thuyết minh tăng, giảm tài sản cố định</i>	23
<i>Phụ lục số 02: Bảng thuyết minh vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn</i>	24
<i>Phụ lục số 03: Bảng thuyết minh vay và nợ thuê tài chính dài hạn</i>	25
<i>Phụ lục số 04: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu</i>	26

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

### **KHÁI QUÁT CHUNG**

Công ty cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện là Công ty được thành lập từ việc cổ phần hoá Công ty Lắp máy và Thí nghiệm Cơ điện thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam theo Quyết định số 54/QĐ - BXD ngày 08 tháng 01 năm 2004 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu số 0100106458 ngày 05 tháng 03 năm 2004 và Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 08, ngày 24 tháng 09 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

**Theo giấy đăng ký kinh doanh do Sở kế hoạch và đầu tư TP Hà Nội cấp, Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:**

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn bất động sản (không bao gồm tư vấn giá nhà, đất);
- Kiểm tra xử lý gia nhiệt các mối hàn kim loại;
- Kiểm tra không phá hủy (NDT) bằng các phương pháp chụp phóng xạ, siêu âm, từ tính, thử mẫu và kiểm tra chân không;
- Thí nghiệm, kiểm tra cơ nhiệt, chạy thử các dây chuyền công nghệ cho các nhà máy công nghiệp;
- Thí nghiệm kiểm tra, hiệu chỉnh hệ thống thiết bị đo lường và điều khiển tự động, hệ thống truyền tải tới 500KV;
- Cung cấp, lắp đặt, bảo trì các loại thang máy và hệ thống phòng chống cháy;
- Lắp đặt điện, nước, thiết bị thông gió, điều hòa không khí;
- Lắp đặt các thiết bị công nghệ tự động, công nghệ môi trường, xử lý nước sinh hoạt, hệ thống điều khiển, các thiết bị đo lường và thiết bị dự phòng chống sét cho các hệ thống điện;
- Thiết kế các dây chuyền sản xuất: vật liệu xây dựng, giấy và chế biến lương thực, thực phẩm;
- Sản xuất phụ tùng cấu kiện kim loại, phụ kiện phi tiêu chuẩn cho xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng: gạch lát tấm lợp, đá ốp lát đất đèn, ô xy, que hàn, kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Xây dựng các công trình công nghiệp, đường dây tải điện, trạm biến thế, lắp ráp thiết bị máy móc cho các công trình;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật).

Trụ sở chính của Công ty tại Số 434 - 436 đường Nguyễn Trãi - phường Trung Văn - quận Nam Từ Liêm - thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 15.000.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 1.500.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Tại thời điểm 31/12/2015 cơ cấu vốn góp như sau:

	<u>Số cổ phần</u>	<u>Số tiền tương ứng</u>	<u>Tỷ lệ/Vốn điều lệ</u>
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV	542.750	5.427.500.000	36,18%
Vốn góp của cổ đông khác	957.250	9.572.500.000	63,82%
	<u>1.500.000</u>	<u>15.000.000.000</u>	<u>100,00%</u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN LẮP MÁY - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN

Đ/c: Số 434 - 436 Nguyễn Trãi - Nam Từ Liêm - Hà Nội

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

**Các thành viên của Hội đồng quản trị trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo tài chính:**

Ông Nguyễn Đình Bảo	Chủ tịch hội đồng quản trị
Ông Hoàng Văn Lít	Thành viên hội đồng quản trị
Bà Vũ Thị Thúy Giang	Thành viên hội đồng quản trị
Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên hội đồng quản trị
Bà Lê Thị Hà	Thành viên hội đồng quản trị

### Các thành viên Ban giám đốc và kế toán trưởng bao gồm

Ông Hoàng Văn Lít	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Thành Đại	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Sỹ Thành	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Lê Văn Định	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10/07/2015
Bà Vũ Thị Thúy Giang	Kế toán trưởng	Miễn nhiệm ngày 06/08/2015
Ông Vũ Hoàng Tùng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 10/08/2015

### Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm

Bà Lê Thúy Hồng	Trưởng ban
Ông Phan Trí Hùng	Thành viên
Ông Vũ Quang Hưng	Thành viên

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) - Đơn vị đủ điều kiện kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết và tổ chức kinh doanh chứng khoán theo quy định của Bộ tài chính và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;



**CÔNG TY CỔ PHẦN LẮP MÁY - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN**

Đ/c: Số 434 - 436 Nguyễn Trãi - Nam Từ Liêm - Hà Nội

- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cũng cam kết về tính đầy đủ, hiện hữu và giá trị của các khoản công nợ phải thu, phải trả và tài sản của Công ty tại thời điểm 31/12/2015.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.

**Phê duyệt các báo cáo tài chính**

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty.

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2016

**Thay mặt Hội đồng quản trị**  
**Chủ tịch HĐQT**



**Nguyễn Đình Bảo**

Hà Nội, ngày 07 tháng 03 năm 2016

**Thay mặt Ban Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**

**Hoàng Văn Lít**

Số: ~~1237~~/BCKT/TC/NV12

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA) đã thực hiện công tác kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm cơ điện được lập ngày 02/02/2016 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 được trình bày từ trang 06 đến trang 27 kèm theo.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm cơ điện tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ý kiến của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



---

**LÊ NGỌC KHUÊ**

**Phó Giám đốc**

*Giấy CNĐKHNKT số 0665-2014-126-1*

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ  
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**

*Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2016*

A blue ink signature of Tổng Thị Bích Lan.

---

**TỔNG THỊ BÍCH LAN**

**Kiểm toán viên**

*Giấy CNĐKHNKT số 0060-2014-126-1*





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2015	01/01/2015 (**)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>48.259.480.701</b>	<b>34.652.905.349</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>14.697.212.907</b>	<b>4.181.611.038</b>
1. Tiền	111	V.01	11.697.212.907	4.181.611.038
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.000.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>14.665.366.127</b>	<b>24.247.878.775</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	12.864.705.932	22.980.018.511
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	1.301.969.895	993.140.200
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	1.939.934.036	784.979.062
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(1.441.243.736)	(510.258.998)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.06	<b>18.896.901.667</b>	<b>6.223.415.536</b>
1. Hàng tồn kho	141		18.900.417.667	6.226.931.536
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(3.516.000)	(3.516.000)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		-	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>34.018.031.029</b>	<b>21.336.373.064</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>1.016.120.058</b>	-
1. Phải thu dài hạn khác	216		1.016.120.058	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>31.806.464.967</b>	<b>20.552.936.439</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.07	15.538.838.590	4.285.310.062
- Nguyên giá	222		37.793.783.146	24.277.452.867
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(22.254.944.556)	(19.992.142.805)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.08	16.267.626.377	16.267.626.377
- Nguyên giá	228		16.267.626.377	16.267.626.377
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	<b>86.610.203</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	86.610.203
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.195.446.004</b>	<b>696.826.422</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	1.195.446.004	696.826.422
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>82.277.511.730</b>	<b>55.989.278.413</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015  
(Tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			31/12/2015	01/01/2015 (**)
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>58.514.406.198</b>	<b>32.772.402.833</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>43.952.827.848</b>	<b>29.621.284.322</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	360.140.422	90.246.542
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	8.064.266.929	1.729.969.549
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	880.560.829	1.202.482.549
4. Phải trả người lao động	314		1.371.919.500	1.445.569.261
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.13	572.767.207	462.610.248
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.14	17.125.337.481	11.574.415.000
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	14.703.385.546	13.100.929.035
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		815.784.677	-
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		58.665.257	15.062.138
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>14.561.578.350</b>	<b>3.151.118.511</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331	V.16	1.386.572.823	1.386.572.823
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.17	2.649.861.457	1.142.491.218
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18	10.525.144.070	622.054.470
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>23.763.105.532</b>	<b>23.216.875.580</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>23.763.105.532</b>	<b>23.216.875.580</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19	15.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.000.000.000	15.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		480.719.788	400.316.669
3. Cổ phiếu ngân quỹ	415		(544.500)	(544.500)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.521.442.810	5.119.427.215
5. Lợi nhuận chưa phân phối	421		2.761.487.434	2.697.676.196
- Lợi nhuận chưa PP lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		779.497.994	1.089.613.814
- Lợi nhuận chưa PP kỳ này	421b		1.981.989.440	1.608.062.382
<b>II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>82.277.511.730</b>	<b>55.989.278.413</b>

**Ghi chú:**

(\*) Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ( )

(\*\*) Chi tiết số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại theo Thông tư 200 tại Thuyết minh IX 4 trang 22

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu



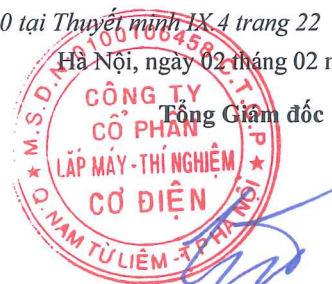
Phạm Thị Loan

Kế toán trưởng



Vũ Hoàng Tùng

Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Lít

**BÁO CÁO**  
**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			Năm nay	Năm trước (*)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	75.314.742.511	51.835.543.046
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		75.314.742.511	51.835.543.046
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	60.931.640.582	41.678.082.766
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.383.101.929	10.157.460.280
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	25.860.686	14.630.409
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	1.545.876.895	1.286.815.672
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.545.876.631	1.286.732.324
8. Chi phí bán hàng	24			
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VII.5	10.280.722.107	6.736.751.939
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.582.363.613	2.148.523.078
11. Thu nhập khác	31		8.016.137	5.028.987
12. Chi phí khác	32		38.506.765	71.708.229
13. Lợi nhuận khác	40		(30.490.628)	(66.679.242)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.551.872.985	2.081.843.836
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.7	569.883.545	473.781.454
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.981.989.440	1.608.062.382
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VII.8	1.189	965
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		1.189	965

(\*) Chi tiết số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại theo Thông tư 200 tại Thuyết minh IX.4 trang 22

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu



Phạm Thị Loan

Kế toán trưởng



Vũ Hoàng Tùng



Tổng Giám đốc

Hoàng Văn Lít

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Theo phương pháp trực tiếp  
Năm 2015

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	99.295.826.725	60.101.604.209
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(21.059.672.650)	(26.274.168.771)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(35.825.916.916)	(18.079.341.484)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.514.842.424)	(1.286.732.324)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(703.091.652)	(575.973.949)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.534.980.395	1.113.978.183
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(27.606.004.232)	(7.882.531.200)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>14.121.279.246</b>	<b>7.116.834.664</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH	21	(13.424.991.818)	(744.140.909)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được	27	24.302.136	14.002.912
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(13.400.689.682)</b>	<b>(730.137.997)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	77.232.289.582	37.718.208.777
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(65.726.743.471)	(38.977.822.108)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.712.092.620)	(1.065.991.360)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>9.793.453.491</b>	<b>(2.325.604.691)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>10.514.043.055</b>	<b>4.061.091.976</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>4.181.611.038</b>	<b>119.974.913</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.558.814	544.149
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>14.697.212.907</b>	<b>4.181.611.038</b>

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Phạm Thị Loan

Vũ Hoàng Tùng

Hoàng Văn Lít



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2015

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện là Công ty được thành lập từ việc cổ phần hoá Công ty Lắp máy và Thí nghiệm Cơ điện thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam theo Quyết định số 54/QĐ - BXD ngày 08 tháng 01 năm 2004 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu số 0100106458 ngày 05 tháng 03 năm 2004 và Giấy đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 08, ngày 24 tháng 09 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 434 - 436 đường Nguyễn Trãi - phường Trung Văn - quận Nam Từ Liêm - thành phố Hà Nội.

#### 2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản;
- Tư vấn bất động sản (không bao gồm tư vấn giá nhà, đất);
- Kiểm tra xử lý gia nhiệt các mối hàn kim loại;
- Kiểm tra không phá hủy (NDT) bằng các phương pháp chụp phóng xạ, siêu âm, từ tính, thử màu và kiểm tra chân không;
- Thí nghiệm, kiểm tra cơ nhiệt, chạy thử các dây chuyền công nghệ cho các nhà máy công nghiệp;
- Thí nghiệm kiểm tra, hiệu chỉnh hệ thống thiết bị đo lường và điều khiển tự động, hệ thống truyền tải tới 500KV;
- Cung cấp, lắp đặt, bảo trì các loại thang máy và hệ thống phòng chống cháy;
- Lắp đặt điện, nước, thiết bị thông gió, điều hòa không khí;
- Lắp đặt các thiết bị công nghệ tự động, công nghệ môi trường, xử lý nước sinh hoạt, hệ thống điều khiển, các thiết bị đo lường và thiết bị dự phòng chống sét cho các hệ thống điện;
- Thiết kế các dây chuyền sản xuất: vật liệu xây dựng, giấy và chế biến lương thực, thực phẩm;
- Sản xuất phụ tùng cầu kiện kim loại, phụ kiện phi tiêu chuẩn cho xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng: gạch lát tấm lợp, đá ốp lát đất đèn, ô xy, que hàn, kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Xây dựng các công trình công nghiệp, đường dây tải điện, trạm biến thế, lắp ráp thiết bị máy móc cho các công trình;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật).

#### 3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh

- Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường: 12 tháng.

#### 4. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng



cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## **II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đ).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính: Nhật ký chung.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính số dư tiền mặt, tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố vào ngày lập BCTC.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **2. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự trên cơ sở ước tính khả năng tổn thất có thể xảy ra ở mức thận trọng nhất.

### **3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực

tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

#### 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Trong quá trình sử dụng các chi phí nâng cấp, cải tạo, sửa chữa duy tu sẽ được ghi tăng nguyên giá, hoặc ghi vào chi phí sản xuất kinh doanh tùy thuộc vào hiệu quả mà các chi phí này mang lại cho TSCĐ đó theo đúng hướng dẫn về chế độ quản lý và sử dụng TSCĐ hiện hành.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Số phải khấu hao tính theo nguyên giá (hoặc bằng nguyên giá trừ đi chi phí khi thanh lý). Thời gian khấu hao áp dụng theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao tài sản cố định được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 06 năm

Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không trích khấu hao.

Công ty tuân thủ nguyên tắc kế toán khi thực hiện kế toán TSCĐHH, TSCĐVH theo hướng dẫn tại TT 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 22/12/2014.

#### 5. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ, chi phí sửa chữa văn phòng, hoặc các chi phí khác.

Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

#### 6. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả.

Tiêu chí phân loại các khoản phải trả:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả giữa Công ty là đơn vị cấp trên và các xí nghiệp, chi nhánh là đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác là các khoản phải trả còn lại không được phân loại là phải trả khách hàng, phải trả nội bộ.

Khoản phải trả được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải trả, theo dõi chi tiết kỳ hạn trả, theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.



Các khoản phải trả có thời gian đáo hạn còn lại dưới 12 tháng tại thời điểm lập BCTC thì được phân loại là nợ ngắn hạn; các khoản phải trả còn lại không được phân loại là nợ ngắn hạn thì được phân loại là nợ dài hạn. Khi lập BCTC, các khoản phải trả được tái phân loại lại theo nguyên tắc này.

Công ty thực hiện đánh giá lại các khoản phải trả người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại khoản phải trả người bán là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Báo cáo tài chính, hoặc nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Công ty sẽ ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất chắc chắn xảy ra, theo đúng nguyên tắc thận trọng.

Nợ phải trả không được ghi nhận thấp hơn giá trị nghĩa vụ phải thanh toán.

Dự phòng nợ phải trả được lập tại thời điểm lập BCTC theo đúng qui định hiện hành.

#### **7. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính.**

Giá trị khoản vay được ghi sổ theo từng lần giải ngân và trả nợ. Giá trị khoản nợ thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê còn phải trả tại thời điểm lập BCTC.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được hạch toán chi tiết và theo dõi từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ, từng loại tài sản vay nợ, kỳ hạn vay nợ và đồng tiền vay nợ.

Khi lập BCTC số dư các khoản vay, nợ thuê tài chính bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng nơi Công ty có giao dịch vay, thuê tài chính.

#### **8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả.**

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

#### **9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

a) Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu.

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Thặng dư vốn cổ phần là chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ
- Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu phản ánh cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi do Công ty phát hành.

b) Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận được phân phối cho các chủ sở hữu theo nghị quyết hàng năm của đại hội đồng cổ đông/của Hội đồng thành viên.

#### 10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

##### *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

#### 11. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt trên mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, được tính ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ theo nguyên tắc thận trọng

#### 12. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính:

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

#### 13. Nguyên tắc kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty...

#### 14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập



hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

1 . Tiền	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Tiền mặt tại quỹ	133.437.342	-	73.439.005	-
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.563.775.565	-	4.108.172.033	-
<b>Cộng</b>	<b>11.697.212.907</b>	<b>-</b>	<b>4.181.611.038</b>	<b>-</b>
<b>2 . Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>	<b>31/12/2015</b>		<b>01/01/2015</b>	
a) Phải thu khách hàng	12.864.705.932	-	22.980.018.511	-
- Tổng công ty lắp máy Việt Nam- Công ty TNHH MTV	-	-	12.380.694.269	-
- Công ty TNHH Kumga Engineering Technology Service	1.741.387.065	-	-	-
- Phải thu khách hàng khác	11.123.318.867	-	10.599.324.242	-
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	4.729.149.445	-	18.390.776.821	-
- Tổng công ty lắp máy Việt Nam- Công ty TNHH MTV	-	-	12.380.694.269	-
- Công ty CP Cơ khí lắp máy Lilama	33.000.000	-	33.000.000	-
- Công ty CP Lilama 3	304.671.740	-	404.671.740	-
- Công ty CP Lilama 3.3	36.670.000	-	36.670.000	-
- Công ty CP Lilama 45-1	535.010.000	-	2.053.566.999	-
- Công ty CP Lilama 45-4	73.336.300	-	73.336.300	-
- Công ty CP Lilama 5	1.586.745.728	-	1.586.745.728	-
- Công ty CP Lilama 69-1	-	-	323.486.605	-
- Công ty CP Lilama 69-2	1.092.859.200	-	7.239.460	-
- Công ty CP Lilama 69-3	-	-	44.000.000	-
- Công ty CP Lilama Hà Nội	586.711.000	-	586.711.000	-
- Công ty CP Lilama 10	400.091.593	-	780.600.836	-
- Công ty CP Lilama 7	80.053.884	-	80.053.884	-
<b>3 . Trả trước người bán ngắn hạn</b>	<b>31/12/2015</b>		<b>01/01/2015</b>	
Trả trước cho người bán	1.301.969.895	-	993.140.200	-
- Công ty CP Sao Đại Dương	-	-	892.683.000	-
- Công ty TNHH Kỹ thuật Sao Mai Việt Nam	-	-	22.990.000	-
- Công ty CP xây dựng & Thương mại 315	820.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Liftec Việt Nam	210.900.000	-	-	-
- Công ty TNHH Thủy Năm	123.585.000	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	147.484.895	-	77.467.200	-
<b>4 . Phải thu ngắn hạn khác</b>	<b>31/12/2015</b>		<b>01/01/2015</b>	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
- Phải thu khác	389.587.689	-	325.558.479	-
+ Khác	389.587.689	-	325.558.479	-
- Tạm ứng	1.547.934.522	-	459.420.583	-
<b>Cộng</b>	<b>1.939.934.036</b>	<b>-</b>	<b>784.979.062</b>	<b>-</b>

**5 . Nợ xấu**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
- Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.				
+ Trạm biến áp Lục Ngạn Bắc Giang	750.711.080	375.355.540	-	-
+ Công ty TNHH TM và Xây lắp Tín Nghĩa	162.426.317	48.727.895	212.426.317	106.213.158
+ Công ty CP Công nghệ Địa vật lý	39.002.639	-	39.002.639	-
+ Công ty CP thi công Cơ giới và LM dầu khí	201.157.000	-	201.157.000	-
+ Công ty CP Xi măng Mai Sơn	181.819.759	54.545.928	-	-
+ Công ty CP Xây lắp và Thương mại Long An	76.266.000	-	226.266.000	67.879.800
+ Công ty CP giải pháp công nghệ kiểm tra không phá hủy dầu khí Việt Nam	538.828.545	377.179.981	-	-
+ Công ty CP Lilama 3	304.671.740	-	-	-
+ Công ty CP Lilama 3.3	36.670.000	-	-	-
+ Công ty TNHH PTCN Sao Mai	5.500.000	-	5.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.297.053.080</b>	<b>855.809.344</b>	<b>684.351.956</b>	<b>174.092.958</b>

**6 . Hàng tồn kho**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	212.778.796	(3.516.000)	372.659.451	(3.516.000)
- Công cụ, dụng cụ	87.224.840	-	8.909.828	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	18.600.414.031	-	5.845.362.257	-
<b>Cộng</b>	<b>18.900.417.667</b>	<b>(3.516.000)</b>	<b>6.226.931.536</b>	<b>(3.516.000)</b>

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ (31/12/2015): 3.516.000 đồng.

**7 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình (chi tiết xem phụ lục số 01 của Báo cáo này)**

**8 . Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Quyền sử dụng đất (*)	Cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	16.267.626.377	16.267.626.377
Số tăng trong kỳ	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	16.267.626.377	16.267.626.377
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	-	-
Số tăng trong kỳ	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	16.267.626.377	16.267.626.377
Tại ngày cuối kỳ	16.267.626.377	16.267.626.377

(\*): Giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tại số 434 và 436 đường Nguyễn Trãi, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo hai hợp đồng mua bán nhà và chuyển quyền sử dụng đất ngày 31/12/2007 với tổng diện tích là 341,2m<sup>2</sup>



9 . Chi phí trả trước dài hạn		31/12/2015	01/01/2015
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ		1.195.446.004	653.314.206
- Chi phí sửa chữa văn phòng		-	43.512.216
<b>Cộng</b>		<b>1.195.446.004</b>	<b>696.826.422</b>

10 . Phải trả người bán ngắn hạn	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán ngắn hạn	360.140.422	360.140.422	90.246.542	90.246.542
- Công ty CP Sao Đại Dương	235.840.000	235.840.000	-	-
- Phải trả người bán ngắn hạn khác	124.300.422	124.300.422	90.246.542	90.246.542

11 . Người mua trả tiền trước ngắn hạn		31/12/2015	01/01/2015
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		8.064.266.929	1.729.969.549
- Công ty CP hoá chất Đức Giang - Đình Vũ		-	181.229.400
- Công ty CP ĐT & DL Bình Minh		389.558.600	389.558.600
- Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Bắc		-	272.888.099
- Công ty TNHH TM Kỹ thuật Xuân Hiếu		-	886.293.450
- Công ty CP địa ốc Star Hà Nội		125.928.000	-
- Công ty CP LILAMA 18		1.295.566.800	-
- Tổng công ty lắp máy Việt Nam		6.252.416.639	-
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác		796.890	-

12 . Thuế và các khoản phải nộp nhà nước				
	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	31/12/2015
- Thuế giá trị gia tăng	826.370.115	3.211.306.392	3.421.303.008	616.373.499
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	327.128.235	569.883.545	703.091.652	193.920.128
- Thuế thu nhập cá nhân	48.984.199	167.009.048	145.726.045	70.267.202
- Các loại thuế khác	-	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.202.482.549</b>	<b>3.948.198.985</b>	<b>4.270.120.705</b>	<b>880.560.829</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . Chi phí phải trả ngắn hạn		31/12/2015	01/01/2015
- Trích trước chi phí tiền lương nghỉ phép của bộ phận trực tiếp		454.543.000	315.000.000
- Trích trước chi phí công trình trạm bơm Yên Sở		87.190.000	-
- Trích trước chi phí công trình Vũng Áng		-	147.610.248
- Chi phí phải trả khác		31.034.207	-
<b>Cộng</b>		<b>572.767.207</b>	<b>462.610.248</b>

14 . Phải trả ngắn hạn khác		31/12/2015	01/01/2015
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp		403.319.364	500.213.812
- Phải trả phải nộp khác		16.722.018.117	11.074.201.188
+ Cổ tức lợi nhuận phải trả		125.200.390	562.339.760
+ Các khoản phải trả phải nộp khác		16.596.817.727	10.511.861.428
<b>Cộng</b>		<b>17.125.337.481</b>	<b>11.574.415.000</b>

15 . Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn (Chi tiết xem phụ lục số 02 của Báo cáo này)



	31/12/2015	01/01/2015
<b>16 . Phải trả người bán dài hạn</b>		
a) Phải trả người bán dài hạn	1.386.572.823	1.386.572.823
- Công ty Cổ phần LILAMA 3	1.240.824.354	1.240.824.354
- Công Ty TNHH Sản xuất và Thương mại Anh Duy	145.748.469	145.748.469
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	1.240.824.354	1.240.824.354
- Công ty Cổ phần LILAMA 3	1.240.824.354	1.240.824.354
<b>17 . Phải trả dài hạn khác</b>		
- Phải trả đội thi công - Hoàng Ngọc Thịnh	636.734.637	636.734.637
- Phải trả đội thi công - Phạm Đình Hòa	206.514.435	206.514.435
- Phải trả đội thi công - Trần Văn Hưng	493.571.777	299.242.146
- Phải trả đội công trình Vững Áng - Chu Tất Thắng	885.701.977	-
- Phải trả dài hạn khác	427.338.631	-
<b>Cộng</b>	<b>2.649.861.457</b>	<b>1.142.491.218</b>
<b>18 . Vay và nợ thuê tài chính dài hạn</b> (Chi tiết xem phụ lục số 03 của Báo cáo này)		
<b>19 . Vốn chủ sở hữu</b>		
<b>19.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu</b> (Chi tiết xem phụ lục số 04 của Báo cáo này)		
<b>19.2. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
	31/12/2015	01/01/2015
Tổng Công ty lắp máy Việt Nam - Công ty TNHH MTV	5.427.500.000	5.427.500.000
Vốn góp của cổ đông khác	9.572.500.000	9.572.500.000
<b>Cộng</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>15.000.000.000</b>
<b>19.3. Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, lợi nhuận.</b>		
	31/12/2015	01/01/2015
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	15.000.000.000	15.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	15.000.000.000	15.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.274.953.250	1.499.945.000
<b>19.4. Cổ phiếu</b>		
	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.500.000	1.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra ngoài công chúng	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.500.000	1.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	55	55
- Cổ phiếu phổ thông	55	55
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.499.945	1.499.945
- Cổ phiếu phổ thông	1.499.945	1.499.945
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000
<b>20 . Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán</b>		
	31/12/2015	01/01/2015
a. Ngoại tệ các loại		
- USD	1477,65	1501,06

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị tính: đồng

	31/12/2015	01/01/2015
<b>1 . Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
<b>a) Doanh thu</b>		
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	75.314.742.511	51.835.543.046
<b>Cộng</b>	<u><b>75.314.742.511</b></u>	<u><b>51.835.543.046</b></u>
<b>b) Doanh thu đối với các bên liên quan</b>		
- Tổng công ty lắp máy Việt Nam- Công ty TNHH MTV	45.151.787.722	23.760.293.330
- Công ty CP Lilama 10	703.839.909	2.044.521.076
- Công ty CP Lilama 45-1	359.100.000	1.040.751.880
- Công ty CP Lilama 69-1	696.706.250	2.639.670.654
- Công ty CP Lilama 69-2	986.927.036	-
<b>2 . Giá vốn hàng bán</b>	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	60.931.640.582	41.678.082.766
<b>Cộng</b>	<u><b>60.931.640.582</b></u>	<u><b>41.678.082.766</b></u>
<b>3 . Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	24.302.136	14.002.912
- Lãi chênh lệch tỷ giá	1.558.550	627.497
<b>Cộng</b>	<u><b>25.860.686</b></u>	<u><b>14.630.409</b></u>
<b>4 . Chi phí tài chính</b>	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
- Lãi tiền vay	1.545.876.631	1.286.732.324
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	264	83.348
<b>Cộng</b>	<u><b>1.545.876.895</b></u>	<u><b>1.286.815.672</b></u>
<b>5 . Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
<i>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</i>	<b>10.280.722.107</b>	<b>6.736.751.939</b>
- Chi phí nhân viên quản lý	5.839.890.277	4.058.200.203
- Chi phí vật liệu quản lý	341.032.795	382.805.894
- Chi phí khấu hao TSCĐ	524.573.193	314.735.749
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	930.984.738	510.258.998
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.011.630.921	758.794.156
- Chi phí bằng tiền khác	1.632.610.183	711.956.939
<b>6 . Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29.357.492.314	17.273.514.193
- Chi phí nhân công	37.894.204.808	22.678.381.689
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.262.801.751	620.064.020
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.888.502.660	6.364.838.119
- Chi phí khác bằng tiền	3.633.428.192	1.196.855.291
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	930.984.738	510.258.998
<b>Cộng</b>	<u><b>83.967.414.463</b></u>	<u><b>48.643.912.310</b></u>

<b>7 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	31/12/2015	01/01/2015
a. Lợi nhuận trước thuế	2.551.872.985	2.081.843.836
b. Các khoản điều chỉnh tăng (+), giảm (-) lợi nhuận tính thuế	38.506.765	71.708.229
- Các khoản điều chỉnh tăng	38.506.765	71.708.229
+ <i>Phạt chậm nộp bảo hiểm</i>	38.506.765	71.708.229
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
c. Lợi nhuận tính thuế TNDN (a)+(b)	2.590.379.750	2.153.552.065
d. Thuế TNDN = {(c)*thuế suất thuế TNDN}	<b>569.883.545</b>	<b>473.781.454</b>

<b>8 . Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	31/12/2015	01/01/2015
a. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.981.989.440	1.608.062.382
b. Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.981.989.440	1.608.062.382
c. Trích quỹ khen thưởng phúc lợi theo NQ Đại hội đồng cổ đông (*)	198.198.944	160.806.238
d. Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	1.499.945	1.499.945
e. Lãi cơ bản trên cổ phiếu = {(b)-(c)}/(d)	1.189	965
f. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.189	965

(\*) Quỹ khen thưởng phúc lợi được tạm tính theo công thức:

- Số liệu kỳ này = Quỹ KTPL được chia năm 2014/LNST năm 2014\* LNST năm 2015

**VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

<b>1 . Số tiền đi vay thực thu trong kỳ</b>	Đơn vị tính: đồng
- Tiền thu từ đi vay từ kế ước thông thường:	77.232.289.582
<b>2 . Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ</b>	65.726.743.471
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường:	65.726.743.471

**IX . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**2 . Thông tin về các bên liên quan**

\* **Thù lao Hội đồng quản trị, ban kiểm soát, thư ký trong năm 2015**

TT	Họ và tên	Chức danh	Phụ cấp	Đơn vị tính: đồng Tiền lương
1	Nguyễn Đình Bảo	Chủ tịch Hội đồng quản trị		243.302.000
2	Hoàng Văn Lít	Thành viên Hội đồng quản trị	47.070.000	196.158.000
3	Vũ Thị Thúy Giang	Thành viên Hội đồng quản trị	47.070.000	92.567.000
4	Vũ Anh Tuấn	Thành viên Hội đồng quản trị	47.070.000	129.859.000
4	Lê Thị Hà	Thành viên Hội đồng quản trị	47.070.000	69.233.000
7	Lê Thúy Hồng	Trưởng Ban kiểm soát	47.070.000	-
8	Phan Trí Hùng	Thành viên Ban kiểm soát	35.100.000	130.288.000
9	Vũ Quang Hưng	Thành viên Ban kiểm soát	35.100.000	-
10	Vũ Thị Thu Hoài	Thành viên Ban kiểm soát	35.100.000	57.336.000
	<b>Tổng cộng</b>		<b>340.650.000</b>	<b>918.743.000</b>



**3 . Báo cáo bộ phận**

*Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý*

Hiện tại, các hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là xây lắp và thí nghiệm điện được hoạt động trên các khu vực địa lý không có sự khác biệt lớn về điều kiện kinh tế. Do đó, không có báo cáo bộ phận được trình bày.

**4 . Thông tin so sánh**

Như trình bày tại mục 01, thuyết minh III, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày không so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014 do ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này và nhằm chỉnh sửa một số sai sót trong việc trình bày Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, cụ thể như sau:


Nội dung	Mã số	Số báo cáo năm trước	Số phân loại lại	Mã số	Đơn vị tính: đồng
					Số sau phân loại
<b>- Bảng cân đối kế toán</b>					
- Các khoản phải thu ngắn hạn	130	23.788.458.192	459.420.583	130	24.247.878.775
- Phải thu ngắn hạn khác	138	325.558.479	459.420.583	136	784.979.062
- Tài sản ngắn hạn khác	150	459.420.583	(459.420.583)	150	-
- Tài sản ngắn hạn khác	158	459.420.583	(459.420.583)	155	-
- Tài sản cố định	220	20.639.546.642	(86.610.203)	220	20.552.936.439
- Tài sản dở dang dài hạn		-	86.610.203	240	86.610.203
- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	86.610.203	-	242	86.610.203
- Quỹ đầu tư phát triển	417	4.435.278.636	684.148.579	418	5.119.427.215
- Quỹ dự phòng tài chính	418	684.148.579	(684.148.579)		-
<b>- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>					
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.072	(107)	70	965

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc


Phạm Thị Loan

Vũ Hoàng Tùng

Hoàng Văn Lít

**Phụ lục số 01: Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị DCQL	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: đồng	
						Cộng	
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>							
Số dư đầu kỳ	4.417.577.709	17.575.548.516	1.823.780.407	160.417.664	300.128.571		24.277.452.867
Số tăng trong kỳ	91.338.461	12.056.641.818	1.078.480.000	-	289.870.000		13.516.330.279
- <i>Mua trong kỳ</i>	91.338.461	12.056.641.818	1.078.480.000	-	289.870.000		13.516.330.279
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-		-
Số dư cuối kỳ	4.508.916.170	29.632.190.334	2.902.260.407	160.417.664	589.998.571		37.793.783.146
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
Số dư đầu kỳ	1.498.756.750	16.888.734.478	1.271.517.454	127.855.014	205.279.109		19.992.142.805
Số tăng trong kỳ	230.816.556	1.720.849.761	229.014.574	21.683.158	60.437.702		2.262.801.751
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	230.816.556	1.720.849.761	229.014.574	21.683.158	60.437.702		2.262.801.751
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-	-		-
Số dư cuối kỳ	1.729.573.306	18.609.584.239	1.500.532.028	149.538.172	265.716.811		22.254.944.556
<b>Giá trị còn lại</b>							
Tại ngày đầu kỳ	2.918.820.959	686.814.038	552.262.953	32.562.650	94.849.462		4.285.310.062
Tại ngày cuối kỳ	2.779.342.864	11.022.606.095	1.401.728.379	10.879.492	324.281.760		15.538.838.590

*Trong đó:*

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tại 31/12/2015 đã dùng để thế chấp đảm bảo các khoản vay: 10.560.477.430 đồng  
Nguyên giá TSCĐ hữu hình tại 31/12/2015 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 18.362.860.201 đồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN LẬP MÁY - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN**

Đ/c: Số 434 - 436 Nguyễn Trãi - Nam Từ Liêm - Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**Phụ lục số 02: Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	31/12/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>a) Vay ngắn hạn</i>	<b>14.703.385.546</b>	<b>14.703.385.546</b>	<b>65.599.856.782</b>	<b>63.997.400.271</b>	<b>13.100.929.035</b>	<b>13.100.929.035</b>
Vay ngắn hạn	14.534.625.546	14.534.625.546	65.599.856.782	63.843.000.271	12.777.769.035	12.777.769.035
- Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Tràng An	13.791.839.223	13.791.839.223	64.857.070.459	63.843.000.271	12.777.769.035	12.777.769.035
- Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - Chi nhánh Thái Hà	742.786.323	742.786.323	742.786.323	-	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả	168.760.000	168.760.000	-	154.400.000	323.160.000	323.160.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Tràng An (*)	168.760.000	168.760.000	-	154.400.000	323.160.000	323.160.000
<b>Cộng</b>	<b>14.703.385.546</b>	<b>14.703.385.546</b>	<b>65.599.856.782</b>	<b>63.997.400.271</b>	<b>13.100.929.035</b>	<b>13.100.929.035</b>

Thông tin chi tiết liên quan tới các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn:

Ngân hàng	Số hợp đồng vay	Ngày hợp đồng	Thời hạn vay	Hạn mức tín dụng	Lãi suất vay	Số tiền vay	Dư nợ gốc vay tại 31/12/2015	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tràng An	1305-LAV-201500761/HĐTD	9/21/2015	12 tháng	40.000.000.000	Lãi suất thả nổi	64.857.070.459	13.791.839.223	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Xe Toyota Fortuner biển số 30A - 31449, đất số 436 đường Nguyễn Trãi, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.
- Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam - Chi nhánh Thái Hà	01/2015/134623/HĐTD	12/7/2014	12 tháng	15.000.000.000	Lãi suất thả nổi	742.786.323	742.786.323	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Thế chấp tài sản trong dự án đầu tư số 1+3

(\*) Chi tiết được thuyết minh tại phụ lục số 03 của Báo cáo này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN LẬP MÁY - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN**

Đ/c: Số 434 - 436 Nguyễn Trãi - Nam Từ Liêm - Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**Phụ lục số 03: Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

**Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2015		Trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay dài hạn</b>	<b>10.525.144.070</b>	<b>10.525.144.070</b>	<b>11.632.432.800</b>	<b>1.729.343.200</b>	<b>622.054.470</b>	<b>622.054.470</b>
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Tràng An	10.525.144.070	10.525.144.070	11.632.432.800	1.729.343.200	622.054.470	622.054.470
<b>Cộng</b>	<b>10.525.144.070</b>	<b>10.525.144.070</b>	<b>11.632.432.800</b>	<b>1.729.343.200</b>	<b>622.054.470</b>	<b>622.054.470</b>

**Thông tin chi tiết liên quan tới các khoản vay dài hạn:**

Ngân hàng	Số hợp đồng vay	Ngày hợp đồng	Thời hạn vay	Hạn mức tín dụng	Lãi suất vay	Dư nợ gốc vay dài hạn tại 31/12/2015	Dư nợ gốc vay dài hạn đến hạn trả tại ngày 31/12/2015	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Tràng An	1305-LAV-201400527	10/17/2014	48 tháng	8.335.136.000	Thị trường	5.871.362.070	168.760.000	Mua sắm đầu tư tài sản cố định	Xe Toyota Fortuner biển số 30A - 31449, đất số 436 đường Nguyễn Trãi, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
	1305-LAV-201500230	4/14/2015	48 tháng	822.800.000	Thị trường	719.950.000		Mua sắm đầu tư tài sản cố định	Xe Toyota Fortuner biển số 30A - 647.38
	1305-LAV-201500631	8/21/2015	48 tháng	5.976.613.080	Thị trường	4.102.592.000		Mua sắm đầu tư tài sản cố định	Xe Toyota Fortuner biển số 30A - 31449, đất số 436 đường Nguyễn Trãi, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

**CÔNG TY CỔ PHẦN LẬP MÁY - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN**

Đ/c: Số 434 - 436 Nguyễn Trãi - Nam Từ Liêm - Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

**Phụ lục số 04: Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Khoản mục	Vốn góp của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	LNST chưa phân phối và các quỹ	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	15.000.000.000	-	-	272.584.049	(544.500)	7.541.037.036	22.813.076.585
Tăng vốn trong năm trước	-	-	627.497	127.732.620	-	2.799.176.882	2.927.536.999
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	1.608.062.382	1.608.062.382
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	638.663.101	638.663.101
Tăng khác	-	-	627.497	127.732.620	-	552.451.399	680.811.516
Giảm vốn năm trước	-	-	627.497	-	-	2.523.110.507	2.523.738.004
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	1.021.860.961	1.021.860.961
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	1.499.945.000	1.499.945.000
Giảm khác	-	-	627.497	-	-	1.304.546	1.932.043
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>400.316.669</b>	<b>(544.500)</b>	<b>7.817.103.411</b>	<b>23.216.875.580</b>
Tăng vốn trong kỳ	-	-	1.558.550	80.403.119	-	2.384.005.035	2.465.966.704
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	1.981.989.440	1.981.989.440
Tăng khác	-	-	1.558.550	-	-	-	1.558.550
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	80.403.119	-	402.015.595	482.418.714
Giảm vốn trong kỳ	-	-	1.558.550	-	-	1.918.178.202	1.918.178.202
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	-	-	-	643.224.952	643.224.952
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	1.274.953.250	1.274.953.250
Giảm khác	-	-	1.558.550	-	-	-	1.558.550
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>15.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>480.719.788</b>	<b>(544.500)</b>	<b>8.282.930.244</b>	<b>23.763.105.532</b>

Đơn vị tính: đồng

(\*) Phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 24/4/2015, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Số tiền
- Trích quỹ đầu tư phát triển	402.015.595
- Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	80.403.119
- Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	160.806.238
- Chia cổ tức	1.274.953.250
<b>Cộng</b>	<b>1.918.178.202</b>